

<p><b>26. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống</b></p>	<p><b>26. <i>The Lion's Roar on the Turning of the Wheel (Cakkavatti-Sihanāda Sutta)</i></b></p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: <b>TT. Thích Nhật Từ</b>)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: <b>Maurice Walshe</b>)</p>
<p><b>26. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư tử hống</b> (P. <i>Cakkavatti Sihanāda Sutta</i>, H. 轉輪聖王獅子吼經) tương đương <i>Chuyển Luân Thánh Vương tu hành kinh</i>.<sup>23</sup> Lấy kiếp quá khứ của bản thân làm ví dụ, đức Phật nói về nguyên nhân sụp đổ của dòng vua chúa trong quá khứ và sự suy thoái xã hội sau đó. Kinh dự đoán Phật Di-lặc sẽ ra đời trong những kiếp tương lai nhằm phục hưng đạo đức và mang lại hạnh phúc cho con người. Nhân đó, kinh này dạy kỹ năng tự nương tựa với tinh thần chánh niệm, tỉnh thức, kỷ luật trong tu học, không nương tựa bên ngoài. Thực tập Tứ niệm xứ là sự nương tựa cao quý vào Chánh pháp.</p>	<p><b>26. <i>Cakkavatti-Sihanāda Sutta: The Lion's Roar on the Turning of the Wheel.</i></b> At the beginning and end of the discourse, the Buddha exhorts his monks to 'keep to their own preserves' by the practice of mindfulness. Then he tells of a 'wheel-turning monarch' (a righteous ruler) who had the sacred Wheel-Treasure, which had to be carefully guarded. He was followed by a line of righteous kings, but eventually they degenerated, and society went from bad to worse, while the human life-span sank to ten years and all sense of morality was lost. After a brief but dreadful 'sword-interval' things improved, and finally another Buddha, Metteyya (Sanskrit Maitreya) will appear.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: <b>HT. Thích Minh Châu</b></p>	<p>English Translation from Pāli: <b>Maurice Walshe</b></p>
<p>Như vậy tôi nghe.  1. Một thời Thế Tôn an trú ở Magadha (Ma-kiệt-đà) tại Mātulā (Ma-du-la).   Lúc bấy giờ Thế Tôn gọi chư Tỷ kheo: "Này các Tỷ kheo!". Các vị Tỷ kheo ấy Bạch Thế Tôn: "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Thế Tôn giảng như sau:   - Này các Tỷ kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác!</p>	<p>[58] 1. THUS HAVE I HEARD.<sup>781</sup> Once the Lord was staying among the Magadhans at Mātulā.   Then he said: 'Monks!' 'Lord', they replied, and the Lord said:   'Monks, be islands unto yourselves, be a refuge unto yourselves with no other refuge. Let the Dhamma be your island, let the Dhamma be your refuge, with no other refuge.'<sup>782</sup></p>

Này các Tỷ kheo, thế nào là một Tỷ kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo sống quán thân trên tự thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để có thể diệt trừ tham ưu ở đời, trên các cảm thọ... trên các tâm... sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để có thể diệt trừ tham ưu ở đời.

Này các Tỷ kheo, như vậy là Tỷ kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này các Tỷ kheo, hãy đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các Người truyền lại.

Này các Tỷ kheo, nếu các Người đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các Người truyền lại, thì Ma vương sẽ không có cơ hội để xâm nhập, không có cơ hội để nhắm vào đối tượng. Này các Tỷ kheo, chính nhờ nhiếp trì các thiện pháp làm nhân duyên mà công đức này được tăng thịnh.

2. Thuở xưa, này các Tỷ kheo, có Vua Chuyển luân Thánh vương tên là Daḷhanemi (Kiên-cổ-niệm), là vị pháp vương, lấy Chánh pháp trị nước, chinh phục bốn thiên hạ, thống trị các quốc độ và đầy đủ bảy món báu.

Vị ấy có đầy đủ bảy món báu, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là

And how does a monk dwell as an island unto himself, as a refuge unto himself with no other refuge, with the Dhamma as his island, with the Dhamma as his refuge, with no other refuge?

Here, a monk abides contemplating body as body,<sup>783</sup> ardent, clearly aware and mindful, having put aside hankering and fretting for the world,

he abides contemplating feelings as feelings, ... he abides contemplating mind as mind, ... he abides contemplating mind-objects as mind-objects, ardent, clearly aware and mindful, having put aside hankering and fretting for the world.

‘Keep to your own preserves,<sup>784</sup> monks, to your ancestral haunts.<sup>785</sup>

If you do so, then Mara will find no lodgement, no foothold. It is just by the building-up of wholesome states that this merit increases.

[59] 2. ‘Once, monks, there was a wheel-turning monarch named Daḷhanemi, a righteous monarch of the law, conqueror of the four quarters, who had established the security of his realm and was possessed of the seven treasures.

These are: the Wheel Treasure, the Elephant Treasure,

tướng quân báu.

Vị ấy có hơn một ngàn hoàng tử, dũng kiện, hùng mạnh, nhiếp phục ngoại địch. Vị này trị vì quả đất này cho đến hải biên, dùng Chánh pháp trị nước, không dùng trượng, không dùng kiếm.

3. Nay các Tỷ kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, vua Daḷhanemi cho gọi một người và bảo:

- Nay khanh, khi nào khanh thấy Thiên luân báu có lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ, thì báo cho Ta biết.

- Tâu Đại vương, xin vâng!

Nay các Tỷ kheo người ấy vâng theo lời dạy vua Daḷhanemi.

Nay các Tỷ kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người ấy thấy Thiên luân báu lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ. Thấy vậy, người ấy liền đến vua Daḷhanemi, khi đến xong, liền báo cho vua biết:

- Đại vương có biết chăng, xe báu cõi trời của Ngài đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ?

Nay các Tỷ kheo, vua Daḷhanemi liền cho mời thái tử và nói rằng:

- Nay thái tử thân yêu, xe báu cõi trời của ta đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ. Ta nghe nói như sau: "Nếu xe báu cõi Trời của Chuyển luân Pháp vương lặn xuống và rời khỏi vị trí cũ, thời vua còn sống không bao lâu nữa".

the Horse Treasure, the Jewel Treasure, the Woman Treasure, the Householder Treasurer, and, as seventh, the Counsellor Treasure.

He has more than a thousand sons who are heroes, of heroic stature, conquerors of the hostile army. He dwells having conquered this sea-girt land without stick or sword, by the law (*as Sutta 3, verse 1.5*).

3. 'And, after many hundreds and thousands of years, King Daḷhanemi said to a certain man:

"My good man, whenever you see that the sacred Wheel-Treasure has slipped from its position, report it to me."

"Yes, sire", the man replied.

And after many hundreds and thousands of years the man saw that the sacred Wheel-Treasure had slipped from its position. Seeing this, he reported the fact to the King.

Then King Daḷhanemi sent for his eldest son, the crown prince, and said:

"My son, the sacred Wheel-Treasure has slipped from its position. And I have heard say that when this happens to a wheel-turning monarch, he has not much longer to live.

I have had my fill [60] of human pleasures, now is the time

Ta đã thọ hưởng dục lạc loài Người một cách đầy đủ. Nay đã đến lúc tìm cầu dục lạc chư Thiên.

Này thái tử thân yêu, hãy trị vì trái đất này cho đến hải biên. Ta sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Tỷ kheo, vua Dalhanemi sau khi đã khéo đặt hoàng tử con đầu trên ngôi vương vị, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Tỷ kheo, sau khi vị vua ần sĩ xuất gia bảy ngày, xe báu cõi Trời liền biến mất.

4. Này các Tỷ kheo, một người khác đi đến vua Quán đảnh Sát-đế-ly, khi đến xong liền tâu vua Quán đảnh Sát-đế-ly:

- Tâu Đại vương, Ngài đã biết xe báu cõi Trời đã biến mất chưa?

Này các Tỷ kheo, khi vua Quán đảnh Sát-đế-ly nghe tin xe báu cõi Trời đã biến mất, liền không được vui, cảm thấy sầu muộn. Rồi vua ấy đến chỗ vua ần sĩ ở, khi đến xong, thưa với vua ần sĩ:

- Đại vương có biết chăng, xe báu cõi Trời đã biến mất?

Này các Tỷ kheo, khi nghe nói vậy, vua ần sĩ nói với vua Quán đảnh Sát-đế-ly:

- Này thái tử thân yêu, chớ có không vui vẻ, chớ có sầu muộn. Này thái tử thân yêu, xe báu cõi Trời không phải là gia bảo tổ tiên để lại. Này thái tử thân yêu, hãy hành trì

to seek heavenly pleasures.

You, my son, take over control of this ocean-bounded land. I will shave off my hair and beard, don yellow robes, and go forth from the household life into homelessness.”

And, having installed his eldest son in due form as king, King Dalhanemi shaved off his hair and beard, donned yellow robes, and went forth from the household life into homelessness.

And, seven days after the royal sage had gone forth, the sacred Wheel-Treasure vanished.

4. ‘Then a certain man came to the anointed Khattiya King and said:

“Sire, you should know that the sacred Wheel-Treasure has disappeared.”

At this the King was grieved and felt sad. He went to the royal sage and told him the news.

And the royal sage said to him:

“My son, you should not grieve or feel sad at the disappearance of the Wheel-Treasure. The Wheel-Treasure is not an heirloom from your fathers. But now, my son, you

Thánh vương Chánh pháp.

Sự tình này sẽ xảy ra, khi con hành trì Thánh vương Chánh pháp vào ngày rằm bố-tát, con gội đầu trai giới, đi lên lầu cao, thì xe báu cõi Trời sẽ hiện ra đầy đủ ngàn tấm, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận.

5. - Tâu Đại vương, thế nào là Thánh vương Chánh pháp?

- Nay thái tử thân yêu, con y cứ vào Pháp, kính trọng Pháp, cung kính Pháp, đảnh lễ Pháp, cúng dường Pháp, tôn trọng Pháp, tự con trở thành Pháp tràng, Pháp kỳ, xem Pháp là thầy,

tự trở thành người bảo vệ hợp pháp cho thứ dân, cho quân đội, cho Sát-đế-ly, cho quần thần, cho Bà-la-môn, cho gia chủ, cho thị dân, thôn dân, cho Sa môn, Bà-la-môn, cho các loài thú và loài chim.

Chớ có làm gì phi pháp trong quốc độ của con.

Này con thân yêu, nếu trong quốc độ của con, có những Sa môn, Bà-la-môn từ bỏ dục vọng, không phóng dật, thực thành nhẫn nhục từ ái, nhiếp phục tự kỷ, an chỉ tự kỷ, giải thoát tự kỷ, thỉnh thoảng sẽ đến với con và hỏi con:

"Này Tôn giả, thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội, như thế nào nên thực hành, như thế nào không nên thực hành, hành động như thế nào đem lại bất lợi và đau khổ cho tôi lâu ngày, hành động như thế nào đem lại lợi ích và hạnh phúc cho tôi lâu ngày?"

must turn yourself into an Ariyan wheel-turner.<sup>786</sup>

And then it may come about that, if you perform the duties of an Ariyan wheel-turning monarch, on the fast-day of the fifteenth,<sup>787</sup> when you have washed your head and gone up to the verandah on top of your palace for the fast-day, the sacred Wheel-Treasure will appear to you, thousand-spoked, complete with felloe, hub and all appurtenances."

[61] 5. "But what, sire, is the duty of an Ariyan wheel-turning monarch?"

"It is this, my son: Yourself depending on the Dhamma, honouring it, revering it, cherishing it, doing homage to it and venerating it, having the Dhamma as your badge and banner, acknowledging the Dhamma as your master,

you should establish guard, ward and protection according to Dhamma for your own household, your troops, your nobles and vassals, for Brahmins and householders, town and country folk, ascetics and Brahmins, for beasts and birds.<sup>788</sup>

Let no crime<sup>789</sup> prevail in your kingdom, and to those who are in need, give property.

And whatever ascetics and Brahmins in your kingdom have renounced the life of sensual infatuation and are devoted to forbearance and gentleness, each one taming himself, each one calming himself and each one striving for the end of craving, from time to time you should go to them and consult them as to

what is wholesome and what is unwholesome, that is blameworthy and what is blameless, what is to be followed and what is not to be followed, and what action will in the long run lead to harm and sorrow, and what to welfare and



Con hãy nghe họ và ngăn chặn họ khỏi sự bất thiện và khuyến khích họ làm điều thiện. Nay con thân yêu, như vậy là Thánh vương Chánh pháp.

- Thừa vâng, tâu Đại vương!

Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát-đế-ly trả lời vua ẩn sĩ và thực hành Thánh vương Chánh pháp.

Khi thực hành Thánh vương Chánh pháp vào ngày rằm bố-tát, vua gọi đầu trai giới, đi lên lầu cao, thì xe báu cõi Trời hiện ra đầy đủ ngàn tấm, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận.

Thấy vậy vua Quán đảnh Sát-đế-ly nghĩ rằng: "Ta được nghe nói như sau: "Quán đảnh vương Sát-đế-ly nào vào ngày rằm bố tát gọi đầu trai giới, đi lên lầu cao và Thiên bảo luân hiện ra đầy đủ ngàn tấm, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận, thì vị vua ấy là Chuyển luân Thánh vương." Như vậy ta là Chuyển luân Thánh vương".

6. Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát-đế-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y qua một bên vai, tay trái cầm bình nước, tay mặt tưới nước trên bảo luân và nói: "Hãy lăn, này Thiên bảo luân, hãy nhiếp phục tất cả".

Xe báu lăn về hướng đông, Chuyển luân Thánh vương theo sau cùng với bốn loại binh chủng. Và này các Tỷ kheo, chỗ nào xe báu ấy dừng lại, chỗ ấy Chuyển luân Thánh vương an trú, cùng với bốn loại chủng binh.

Này các Tỷ kheo, các vị vua chư hầu ở hướng đông đều đến yết kiến Chuyển luân Thánh vương và nói:

- Hãy đến đây, Đại vương! Thiệt lai. Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng!

happiness.

Having listened to them, you should avoid evil and do what is good.<sup>790</sup> That, my son, is the duty of an Ariyan wheel-turning monarch.'

"Yes, sire", said the King, and he performed the duties of an Ariyan wheel-turning monarch.

And as he did so, on the fast-day of the fifteenth, when he had washed his head and gone up to the verandah on top of his palace for the fast-day, the sacred Wheel-Treasure appeared to him, thousand-spoked, complete with felloe, hub and all appurtenances.

Then the King thought: "I have heard that when a duly anointed [62] Khattiya king sees such a wheel on the fast-day of the fifteenth, he will become a wheel-turning monarch. May I become such a monarch!"<sup>791</sup>

6. 'Then, rising from his seat, covering one shoulder with his robe, the King took a gold vessel in his left hand, sprinkled the Wheel with his right hand, and said: "May the noble Wheel-Treasure turn, may the noble Wheel-Treasure conquer!"

The Wheel turned to the east, and the King followed it with his fourfold army. And in whatever country the Wheel stopped, the King took up residence with his fourfold army.

And those who opposed him in the eastern region came and said:

"Come, Your Majesty, welcome! We are yours, Your Majesty. Rule us, Your Majesty."

Chuyển luân Thánh vương bèn nói:

- Chớ có sát sanh! Chớ có lấy của không cho! Chớ có sống tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống rượu! Và hãy thọ hưởng theo những gì đã có để thọ hưởng!

Này các Tỷ kheo, các vị vua thù nghịch ở hướng Đông đều trở thành chư hầu của Chuyển luân Thánh vương.

7. Này các Tỷ kheo, xe báu ấy chìm xuống biển hướng Đông, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Nam... trở thành chư hầu Chuyển luân Thánh vương. Này các Tỷ kheo, rồi xe báu ấy chìm xuống biển hướng Nam, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Tây... trở thành chư hầu Chuyển luân Thánh vương. Này các Tỷ kheo, rồi xe báu chìm xuống biển hướng Tây, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Bắc, và Chuyển luân Thánh vương theo sau cùng với bốn loại binh chủng.

Và này các Tỷ kheo, chỗ nào xe báu ấy dừng lại, chỗ ấy Chuyển luân Thánh vương an trú cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỷ kheo, các vị vua chư hầu ở hướng Bắc đều đến yết kiến Chuyển luân Thánh vương và nói:

- Hãy đến đây, Đại vương! Thiện lai, Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng!

Chuyển luân Thánh vương bèn nói:

- Chớ có sát sanh! Chớ có lấy của không cho! Chớ có sống tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống rượu! Và hãy thọ hưởng những gì đã có để thọ hưởng!

Này các Tỷ kheo, các vua thù nghịch ở hướng Bắc đều trở thành chư hầu Chuyển luân Thánh vương.

And the King said:

“Do not take life. Do not take what is not given. Do not commit sexual misconduct. Do not tell lies. Do not drink strong drink. Be moderate in eating.”<sup>792</sup>

And those who had opposed him in the eastern region became his subjects.

7. ‘Then the Wheel turned south, west, and north ... (as verse 6).

Này các Tỷ kheo, khi xe báu ấy chinh phục quả đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô, và đứng lại như là dính liền trước cửa điện công lý, trong nội cung Chuyển luân Thánh vương và chói sáng nội cung của vua.

8. Này các Tỷ kheo, lần thứ hai, Chuyển luân Thánh vương... Này các Tỷ kheo, lần thứ ba Chuyển luân Thánh vương... Này các Tỷ kheo, lần thứ tư Chuyển luân Thánh vương... Này các Tỷ kheo, lần thứ năm Chuyển luân Thánh vương... Này các Tỷ kheo, lần thứ sáu Chuyển luân Thánh vương... Này các Tỷ kheo, lần thứ bảy, Chuyển luân Thánh vương sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi một người và bảo:

- Này Khanh, khi nào Khanh thấy xe báu cõi Trời có lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ, thì báo cho ta biết.

- Tâu Đại vương, xin vâng!

Này các Tỷ kheo, người ấy vâng theo lời dạy Chuyển luân Thánh vương.

Này các Tỷ kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người ấy thấy xe báu cõi Trời lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ. Thấy vậy, người ấy liền đến Chuyển luân Thánh vương, khi đến xong liền báo cho vua biết:

- Đại vương có biết chăng, xe báu cõi Trời của Ngài đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ?

Này các Tỷ kheo, Chuyển luân Thánh vương liền cho mời thái tử và nói rằng:

Then the Wheel-Treasure, having conquered the lands from sea to sea, returned to the royal capital and stopped before the King's palace as he was trying a case, as if to adorn the royal palace.

8. 'And a second wheel-turning monarch did likewise, and a third, a fourth, a fifth, a sixth, and a seventh king also ...

told a man to see if the Wheel had slipped from its position (as verse 3). [64]



- Nay thái tử thân yêu, xe báu cõi Trời của Ta đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ. Ta nghe như sau: "Nếu Thiên bảo luân của Chuyển luân Thánh vương có lặn xuống một ít, và rời khỏi vị trí cũ, thì vua còn sống không bao lâu nữa."

Ta đã thọ hưởng dục lạc loài Người một cách đầy đủ. Nay đã đến lúc tìm cầu dục lạc chư Thiên.

Nay thái tử thân yêu, hãy trị vì trái đất này cho đến hải biên. Ta sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Tỷ kheo, Chuyển luân Thánh vương sau khi đã khéo đặt thái tử con đầu trên ngôi vương vị, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Tỷ kheo, sau khi Chuyển luân Thánh vương xuất gia bảy ngày, xe báu cõi Trời ấy biến mất.

9. Này các Tỷ kheo, một người khác đi đến vua Quán đảnh Sát-đế-ly, khi đến nơi liền tâu với vua:

- Đại vương có biết chăng, xe báu cõi Trời đã biến mất?

Này các Tỷ kheo, khi vua Quán đảnh Sát-đế-ly nghe tin xe báu cõi Trời đã biến mất, liền không được vui vẻ và cảm thấy sầu muộn. Vua ấy không đến chỗ vua ản sĩ và hỏi về Thánh vương Chánh pháp.

Vị ấy tự cai trị quốc gia theo ý của mình. Vì cai trị quốc gia theo ý của mình, nên quốc gia không được hưng thịnh như trong thời xưa, khi các vua chúa cai trị theo Thánh vương Chánh pháp.

And seven days after the royal sage had gone forth the Wheel disappeared.

9. 'Then a man came to the King and said:

"Sire, you should know that the sacred Wheel-Treasure has disappeared."

At this the King was grieved and felt sad. But he did not go to the royal sage and ask him about the duties of a wheel-turning monarch.

Instead, he ruled the people according to his own ideas, and, being so ruled, the people did not prosper so well as they had done under the previous kings who had performed the duties of a wheel-turning monarch.

Này các Tỷ kheo, rồi các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú tụ họp lại, cùng đến vua Quán đảnh Sát-đế-ly và nói:

- Tâu Đại vương, vì Đại vương cai trị quốc gia theo ý Đại vương, nên quốc gia không được hưng thịnh, như trong thời xưa, các vua chúa cai trị theo Thánh vương Chánh pháp.

Nay có các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú, chúng tôi và một số các vị khác thọ trì Thánh vương Chánh pháp.

Tâu Đại vương, nếu Đại vương hỏi chúng tôi về Thánh vương Chánh pháp, được hỏi, chúng tôi sẽ trả lời cho Đại vương rõ về pháp này.

10. Này các Tỷ kheo, rồi vua Quán đảnh Sát-đế-ly cho mời họp các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú và hỏi về Thánh vương Chánh pháp.

Và những vị này được hỏi, đã trả lời về Thánh vương Chánh pháp. Khi nghe họ nói xong, vị vua có sắp đặt sự hộ trì, ngăn chặn, che chở, nhưng không cho người nghèo tiền của. Và vì vậy, nghèo đói được lan rộng.

Vì nghèo đói được lan rộng, một người đã lấy vật không cho của những người khác, và hành động ấy được gọi là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước vua Quán đảnh Sát-đế-ly và tâu vua:

- Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, hành động này được gọi là ăn trộm.

Này các Tỷ kheo, khi nghe vậy vua Quán đảnh Sát-đế-ly

Then the ministers, counsellors, treasury officials, guards and doorkeepers, and the chanters of mantras came to the King and said: [65]

“Sire, as long as you rule the people according to your own ideas, and differently from the way they were ruled before under previous wheel-turning monarchs, the people do not prosper so well.

Sire, there are ministers ... in your realm, including ourselves, who have preserved the knowledge of how a wheel-turning monarch should rule.

Ask us, Your Majesty, and we will tell you!”

10. ‘Then the King ordered all the ministers and others to come together, and he consulted them.

And they explained to him the duties of a wheel-turning monarch. And, having listened to them, the King established guard and protection, but he did not give property to the needy, and as a result poverty became rife.

With the spread of poverty, a man took what was not given, thus committing what was called theft. They arrested him, and brought him before the King, saying:

“Your Majesty, this man took what was not given, which we call theft.”

The King said to him:

nói với người ấy:

- Này Người, có phải Người lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm?

- Tâu Đại vương, sự thật có vậy.

- Sao lại làm vậy?

- Tâu Đại vương, con không có gì sống!

Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát-đế-ly liền cho người ấy tiền của và nói:

- Này Người, với tiền của này Người hãy tự nuôi dưỡng, nuôi dưỡng cha mẹ, nuôi dưỡng vợ con, tiến hành các công việc, thực hiện sự cúng dường với công đức tối thượng cho các vị Sa môn, mà kết quả là hưởng lạc thọ hiện tại và sanh Thiên giới trong tương lai...

Này các Tỷ kheo, người ấy vâng theo lời vua Quán đảnh Sát-đế-ly và tâu:

- Thừa vâng, Đại vương!

11. Này các Tỷ kheo, rồi một người khác lấy của không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước mặt vua Quán đảnh Sát-đế-ly và tâu vua:

- Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Này các Tỷ kheo, khi nghe vậy, vua Quán đảnh Sát-đế-ly nói với người ấy:

“Is it true that you took what was not given — which is called theft?”

“It is, Your Majesty.”

“Why?”

“Your Majesty, I have nothing to live on.” [66]

Then the King gave the man some property, saying:

“With this, my good man, you can keep yourself, support your mother and father, keep a wife and children, carry on a business and make gifts to ascetics and Brahmins, which will promote your spiritual welfare and lead to a happy rebirth with pleasant result in the heavenly sphere.”

“Very good, Your Majesty”, replied the man.

11. ‘And exactly the same thing happened with another man.

- Này Người, có phải Người lấy của không cho của những người khác không, tức là ăn trộm?

- Tâu Đại vương, sự thật có vậy.

- Sao lại làm vậy?

- Tâu Đại vương, con không có gì để sống!

Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát-đế-ly liền cho người ấy tiền của và nói:

- Này Người, với tiền của này, Người hãy tự nuôi dưỡng, nuôi dưỡng cha mẹ, nuôi dưỡng vợ con, tiến hành các công việc, thực hiện sự cúng dường với công đức tối thắng cho các vị Sa môn, Bà-la-môn, mà kết quả là lạc thọ hiện tại và sanh thiên giới trong tương lai.

Này các Tỷ kheo, người ấy vâng theo lời vua Quán đảnh Sát-đế-ly và tâu:

- Thừa vâng, Đại vương!

12. Này các Tỷ kheo, nhiều người nghe: "Những ai lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm, vua cho những người ấy tiền của." Nghe vậy, họ nghĩ: "Chúng ta hãy lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm."

Này các Tỷ kheo, lại một người khác lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước vua Quán đảnh Sát-đế-ly và tâu vua:

- Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

12. 'Then people heard that the King was giving away property to those who took what was not given, and they thought: "Suppose we were to do likewise!"

And then another man took what was not given, and they brought him before the King. [67] The King asked him why he had done this, and he replied:

"Your Majesty, I have nothing to live on."

Này các Tỷ kheo, khi nghe nói vậy vua Quán đảnh Sát-đế-ly nói với người ấy:

- Này Người, có phải Người lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm?

- Tâu Đại vương, sự thật có vậy?

- Sao lại làm vậy?

- Tâu Đại vương, con không có gì để sống!

Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát-đế-ly suy nghĩ: "Nếu ai lấy vật không cho của những người khác tức là ăn trộm và ta cho họ tiền của, thì lấy vật không cho như vậy tăng trưởng. Nay ta phải ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu nó!"

Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát-đế-ly ra lệnh cho các người:

- Này các Khanh, hãy lấy dây thật chắc, cột tay ra đằng sau với gút thật chặt, cạo đầu nó, dắt nó đi với tiếng trống khe khắt, từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, dắt nó ra khỏi cửa phía Nam, ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu nó.

- Tâu Đại vương, thưa vâng!

Này các Tỷ kheo, các người ấy vâng theo lệnh của vua Quán đảnh Sát-đế-ly, lấy dây thật chắc cột tay ra đằng sau với gút thật chặt, cạo đầu anh ta, dắt anh ta đi với tiếng trống khe khắt, từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, dắt anh ta ra khỏi cửa phía Nam, ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu anh ta.

Then the King thought:

"If I give property to everybody who takes what is not given, this theft will increase more and more. I had better make an end of him, finish him off once for all, and cut his head off."

So he commanded his men:

"Bind this man's arms tightly behind him with a strong rope, shave his head closely, and lead him to the rough sound of a drum through the streets and squares and out through the southern gate, and there finish by inflicting the capital penalty and cutting off his head!"

And they did so.



13. Nay các Tỷ kheo, nhiều người nghe: "Những ai lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm, vua ngăn chặn triệt để họ, hình phạt thích đáng và chém đầu họ."

Nghe vậy, những người ấy nghĩ: "Chúng ta hãy rèn kiếm cho thật bén, với những kiếm bén này, chúng ta sẽ lấy vật không cho của họ tức là ăn trộm, sẽ ngăn chặn triệt để chúng, hình phạt thích đáng chúng và chém đầu họ".

Những người ấy rèn kiếm bén, sau khi rèn kiếm bén xong, họ đi cướp làng, họ đi cướp thôn xóm, họ đi cướp thành, họ đi cướp đường, họ lấy vật không cho tức là ăn trộm, họ ngăn chặn triệt để những người mà họ ăn trộm, hình phạt thích đáng và chém đầu những người này.

14. Nay các Tỷ kheo, như vậy vì không cho người nghèo tiền của, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh; vì trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm được tăng thịnh; và đao kiếm được tăng thịnh, nên sát sanh tăng thịnh; vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh;

vì nói láo tăng thịnh nên tuổi thọ của loài hữu tình giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu; vì tuổi thọ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, nên loài Người tuổi thọ đến tám vạn năm và con của họ thọ bốn vạn năm.

Nay các Tỷ kheo, khi loài Người thọ bốn vạn năm, một người khác lấy vật không cho tức là ăn trộm. Người ta bắt người này lại, dẫn đến trước vua Quán đảnh Sát-đế-ly và thưa:

13. 'Hearing about this, people thought: "Now let us get sharp swords made for us, and then we can take from anybody what is not given [which is called theft], [68] we will make an end of them, finish them off once for all and cut off their heads."

So, having procured some sharp swords, they launched murderous assaults on villages, towns and cities, and went in for highway-robbery, killing their victims by cutting off their heads.

14. 'Thus, from the not giving of property to the needy, poverty became rife, from the growth of poverty, the taking of what was not given increased, from the increase of theft, the use of weapons increased, from the increased use of weapons, the taking of life increased —

and from the increase in the taking of life, people's life-span decreased, their beauty decreased, and as a result of this decrease of life-span and beauty, the children of those whose life-span had been eighty thousand years lived for only forty thousand.

'And a man of the generation that lived for forty thousand years took what was not given. He was brought before the King, who asked him:

- Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Này các Tỷ kheo, khi nghe nói vậy, vua Quán đảnh Sát-đế-ly nói với người ấy:

- Này Người, có thật Người lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm không?

- Tâu Đại vương, không!  
Người ấy cố ý nói không thật.

15. Này các Tỷ kheo, như vậy vì không cho tiền của những người nghèo, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh; vì trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm tăng thịnh; vì đao kiếm tăng thịnh nên sát sanh tăng thịnh; vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh, vì nói láo tăng thịnh nên tuổi thọ của loài Người giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu;

vì tuổi thọ giảm và sắc đẹp giảm thiểu, nên loài Người tuổi thọ đến bốn vạn năm và con của họ thọ hai vạn năm.

Này các Tỷ kheo, khi loài Người tuổi thọ đến hai vạn năm, một người khác lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Một người khác báo với vua Quán đảnh Sát-đế-ly về người ấy:

- Tâu Đại vương, người này đã lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Như vậy người ấy đã bị nói xấu.

16. Này các Tỷ kheo, như vậy vì không cho tiền của

“Is it true that you took what was not given — what is called theft?”

“No, Your Majesty”, he replied, thus telling a deliberate lie.

15. ‘Thus, from the not giving of property to the needy,... the taking of life increased, and from the taking of life, lying increased, [69] from the increase in lying, people’s life-span decreased, their beauty decreased, and as a result, the children of those whose life-span had been forty thousand years lived for only twenty thousand.

‘And a man of the generation that lived for twenty thousand years took what was not given. Another man denounced him to the King, saying:

“Sire, such-and-such a man has taken what was not given”, thus speaking evil of another.<sup>793</sup>

16. ‘Thus, from the not giving of property to the needy,...

những người nghèo, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh... vì nói xấu được tăng nên tuổi thọ loài Người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu.

Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, nên tuổi thọ loài Người chỉ có hai vạn năm và con của họ chỉ có một vạn năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến một vạn năm, một số chúng sanh có sắc đẹp, một số không có sắc đẹp. Những chúng sanh không có sắc đẹp tham đắm những chúng sanh có sắc đẹp và có tà hạnh với vợ những người khác.

17. Này các Tỷ kheo, như vậy vì không cho tiền của những người nghèo, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh... nên tà dâm tăng thịnh; vì tà dâm tăng thịnh nên tuổi thọ loài Người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu.

Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu, và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài Người chỉ có một vạn năm và con của họ chỉ có năm ngàn năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có năm ngàn năm, thì hai pháp hưng thịnh, tức là ác khẩu và nói lời phù phiếm. Khi hai pháp này hưng thịnh, thời tuổi thọ các loài hữu tình giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu.

Vì tuổi thọ của chúng giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài Người chỉ có năm ngàn năm và con của họ một số người sống hai ngàn năm trăm năm, một số người sống hai ngàn năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có hai ngàn năm trăm năm, tham và sân tăng thịnh. Vì tham và sân tăng

the speaking evil of others increased, and in consequence, people's life-span decreased, their beauty decreased,

and as a result, the children of those whose life-span had been twenty thousand years lived only for ten thousand.

'And of the generation that lived for ten thousand years, some were beautiful, and some were ugly. And those who were ugly, being envious of those who were beautiful, committed adultery with others' wives.

17. 'Thus, from the not giving of property to the needy,... sexual misconduct increased, and in consequence people's life-span decreased, their beauty decreased,

and as a result, the children of those whose life-span had been ten thousand years lived for only five thousand.

'And among the generation whose life-span was five thousand years, two things increased: harsh speech and idle chatter, in consequence of which people's life-span decreased, their beauty decreased,

and as a result, the children of those whose life-span had been five thousand years [70] lived, some for two-and-a-half thousand years, and some for only two thousand.

'And among the generation whose life-span was two-and-a-half thousand years, covetousness and hatred increased,

thịnh nên tuổi thọ các loài hữu tình giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu.

Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, nên tuổi thọ loài Người chỉ có hai ngàn năm trăm năm và các người con chỉ có một ngàn năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có một ngàn năm thì tà kiến tăng thịnh. Vì tà kiến tăng thịnh, nên tuổi thọ các loài hữu tình giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu.

Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, nên tuổi thọ loài Người chỉ có một ngàn năm, và người con chỉ có năm trăm năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có năm trăm năm, thì ba pháp tăng thịnh: phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến. Khi ba pháp này tăng thịnh, thời tuổi thọ của các loài hữu tình giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu,

tuổi thọ loài Người chỉ có năm trăm năm, còn những người con, một số sống đến hai trăm năm mươi năm, một số sống đến hai trăm năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có hai trăm năm mươi năm, những pháp sau này tăng thịnh: Thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự kính trọng đối với các vị cầm đầu trong gia đình.

18. Này các Tỷ kheo, như vậy vì không cho tiền của những người nghèo, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh, nên trộm cắp tăng thịnh; vì trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm tăng thịnh; vì đao kiếm tăng thịnh nên sát sanh tăng thịnh; vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh; vì nói láo tăng thịnh nên nói xấu tăng thịnh; vì nói xấu tăng

and in consequence people's life-span decreased, their beauty decreased,

and as a result, the children of those whose life-span had been two-and-a-half thousand years lived for only a thousand.

'Among the generation whose life-span was a thousand years, false opinions<sup>794</sup> increased...

and as a result, the children of those whose life-span had been a thousand years lived for only five hundred.

'And among the generation whose life-span was five hundred years, three things increased: incest, excessive greed and deviant practices<sup>795</sup> ...

and as a result, the children of those whose life-span had been five hundred years lived, some for two hundred and fifty years, some for only two hundred.

'And among those whose life-span was two hundred and fifty years, these things increased: lack of respect for mother and father, for ascetics and Brahmins, and for the head of the clan.

18. 'Thus, from the not giving of property to the needy,... [71]

thịnh nên tà hạnh tăng thịnh; vì tà hạnh tăng thịnh nên hai pháp tăng thịnh tức là ác khẩu và nói lời phù phiếm; vì hai pháp này tăng thịnh nên tham, sân tăng thịnh; vì tham, sân tăng thịnh nên tà kiến tăng thịnh; vì tà kiến tăng thịnh nên ba pháp tăng thịnh: phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến.

Vì ba pháp này tăng thịnh nên các pháp sau đây tăng thịnh: thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự kính trọng đối với các vị cầm đầu trong gia đình. Vì những pháp này tăng thịnh nên tuổi thọ các loài hữu tình này giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu, vì tuổi thọ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu

nên loài Người chỉ sống có hai trăm năm mươi năm, và những người con chỉ có một trăm năm.

19. Nay các Tỷ kheo, một thời sẽ đến khi những người con của loài Người chỉ sống đến mười tuổi. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ mười tuổi, con gái đến năm tuổi sẽ lập gia đình.

Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, các loại sau này sẽ biến mất, tức là tô, lạc, dầu, đường cát và muối. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, loại hạt Kudrusa trở thành món ăn tối thượng.

Nay các Tỷ kheo, như hiện nay cháo thịt là những món ăn tối thượng, cũng vậy nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, loại hạt Kudrusa trở thành món ăn tối thượng.

Khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, mười thiện hạnh hoàn toàn biến mất và mười bất thiện hạnh tăng thịnh tối đa. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, chữ thiện cũng sẽ không còn, nói gì ai là người làm điều thiện?

lack of respect for mother and father, for ascetics and Brahmins, and for the head of the clan increased, and in consequence people's life-span and beauty decreased, and the children of those whose life-span had been two-and-a-half centuries lived for only a hundred years.

19. 'Monks, a time will come when the children of these people will have a life-span of ten years. And with them, girls will be marriageable at five years old.

And with them, these flavours will disappear: ghee, butter, sesame-oil, molasses and salt. Among them, *kudrūsa*-grain<sup>796</sup> will be the chief food, just as rice and curry are today.

And with them, the ten courses of moral conduct will completely disappear, and the ten courses of evil will prevail exceedingly: for those of a ten-year lifespan there will be no word for "moral"<sup>797</sup> so how can there be anyone who acts in a moral way?



Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự hiếu kính đối với Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với người cầm đầu trong gia đình, những người ấy sẽ được người ta lễ bái, tán dương.

Này các Tỷ kheo, như hiện nay những ai hiếu kính với cha mẹ, kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính đối với những người cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương.

Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với các vị cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương.

20. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, không có phân biệt mẹ hay bá mẫu hay thúc mẫu, vợ con của sư trưởng, chị dâu của cha. Thế giới rơi vào thông dâm như dê, gà, heo, chó và chó rừng.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, hại tâm rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Mẹ đối với con, con đối với mẹ, cha đối với con, con đối với cha, anh đối với em, em đối với anh, em đối với chị, chị đối với em, hại tâm rất mãnh liệt, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt.

Này các Tỷ kheo, như người thợ săn khi thấy loài thú, hại tâm rất mãnh liệt khởi lên, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt khởi lên.

Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, hại tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt.

Those people who have [72] no respect for mother or father, for ascetics and Brahmins, for the head of the clan, will be the ones who enjoy honour and prestige.

Just as it is now the people who show respect for mother and father, for ascetics and Brahmins, for the head of the clan, who are praised and honoured, so it will be with those who do the opposite.

20. 'Among those of a ten-year life-span no account will be taken of mother or aunt, of mother's sister-in-law, of teacher's wife or of one's father's wives and so on — all will be promiscuous in the world like goats and sheep, fowl and pigs, dogs and jackals.

Among them, fierce enmity will prevail one for another, fierce hatred, fierce anger and thoughts of killing, mother against child and child against mother, father against child and child against father, brother against brother, brother against sister,

just as the hunter feels hatred for the beast he stalks...  
[73]

21. Nay các tử kheo, khi loài Người tuổi thọ chỉ có mười tuổi đao trượng kiếp khởi lên trong bảy ngày, trong thời gian ấy họ xem nhau như loài thú, đao kiếm sắc bén hiện ra trong tay của họ. Với đao kiếm sắc bén ấy họ tàn hại mạng nhau, xem nhau như loài thú.

Nay các Tử kheo, giữa các loài hữu tình ấy, một số suy nghĩ: "Chúng ta chớ giết ai; mong đừng ai giết chúng ta.

Chúng ta hãy đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẽ núi và sống với rễ và trái cây".

Họ đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẽ núi và sống với rễ và trái cây.

Sau thời gian bảy ngày, họ từ rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẽ núi đi ra, ôm lấy nhau, cùng nhau an ủi, khoan khoái nói với nhau: "Sung sướng thay được thấy bạn còn sống! Sung sướng thay được thấy bạn còn sống!"

Nay các Tử kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Vì chúng ta tạo nhân bất thiện pháp nên bà con chúng ta bị giết hại nhiều như vậy.

Vậy chúng ta hãy làm điều thiện. Chúng ta làm điều thiện như thế nào? Chúng ta chớ có sát sanh. Đó là điều thiện chúng ta có thể làm". "Chúng ta sẽ không sát sanh", đó là điều thiện họ làm.

Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ của họ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vì tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh, nên tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi nhưng con của họ, thọ đến hai mươi tuổi.

21. 'And for those of a ten-year life-span, there will come to be a "sword-interval"<sup>798</sup> of seven days, during which they will mistake one another for wild beasts. Sharp swords will appear in their hands and, thinking: "There is a wild beast!" they will take each other's lives with those swords.

But there will be some beings who will think: "Let us not kill or be killed by anyone!

Let us make for some grassy thickets or jungle-recesses or clumps of trees, for rivers hard to ford or inaccessible mountains, and live on roots and fruits of the forest."

And this they will do for seven days.

Then, at the end of the seven days, they will emerge from their hiding-places and rejoice together of one accord, saying: "Good beings, I see that you are alive!"

And then the thought will occur to those beings: "It is only because we became addicted to evil ways that we suffered this loss of our kindred, so let us now do good!

What good things can we do? Let us abstain from the taking of life — that will be a good practice." And so they will abstain from the taking of life, and, having undertaken this good thing, will practise it.

And through having undertaken such wholesome things, they will increase in life-span and beauty. [74] And the children of those whose life-span was ten years will live for twenty years.

22. Nay các Tỷ kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Chúng ta nhờ hành thiện pháp làm nhân, nên tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vậy chúng ta hãy làm việc thiện nhiều hơn nữa.

Chúng ta hãy gìn giữ không lấy của không cho, gìn giữ không làm các tà hạnh, gìn giữ không nói láo, gìn giữ không nói hai lưỡi, gìn giữ không ác khẩu, gìn giữ không nói lời phù phiếm, từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ tà kiến, từ bỏ ba pháp tức là phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến.

Chúng ta hãy hiếu kính cha mẹ, kính lễ các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính các vị cầm đầu trong gia đình. Chúng ta hãy thực hành thiện pháp ấy."

Họ hiếu kính mẹ, hiếu kính cha, kính lễ các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính các vị cầm đầu ở trong gia đình, họ sẽ thực hành thiện pháp này. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ tăng thịnh, sắc đẹp tăng thịnh.

Vì tuổi thọ họ tăng thịnh và sắc đẹp tăng thịnh, tuổi thọ loài Người đến hai mươi tuổi và các người con sẽ lên đến bốn mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến bốn mươi tuổi và các người con sẽ lên đến tám mươi tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến tám mươi tuổi và các người con sẽ lên đến một trăm sáu mươi tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến một trăm sáu mươi tuổi và các người con sẽ lên đến ba trăm hai mươi tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến ba trăm hai mươi tuổi và các người con sẽ lên đến sáu trăm bốn mươi tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến sáu trăm bốn mươi tuổi và các con sẽ lên đến hai ngàn tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến hai ngàn tuổi và các người con sẽ lên đến bốn ngàn tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến bốn ngàn tuổi và các người con sẽ lên đến tám ngàn tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến tám ngàn tuổi và các con sẽ lên đến hai vạn tuổi.

Tuổi thọ loài Người lên đến hai vạn tuổi các người con sẽ

22. 'Then it will occur to those beings: "It is through having taken to wholesome practices that we have increased in life-span and beauty, so let us perform still more wholesome practices.

Let us refrain from taking what is not given, from sexual misconduct, from lying speech, from slander, from harsh speech, from idle chatter, from covetousness, from ill-will, from wrong views; let us abstain from three things: incest, excessive greed, and deviant practices;

let us respect our mothers and fathers, ascetics and Brahmins, and the head of the clan, and let us persevere in these wholesome actions."

'And so they will do these things, and on account of this they will increase in life-span and in beauty.

The children of those whose life-span is twenty years will live to be forty, their children will live to be eighty, their children to be a hundred and sixty, their children to be three hundred and twenty, their children to be six hundred and forty; the children of those whose life-span is six hundred and forty years will live for two thousand years, their children for four thousand, their children for eight thousand, and their children for twenty thousand.

The children of those whose life-span is twenty thousand years will [75] live to be forty thousand, and their children will attain to eighty thousand years.

lên đến bốn vạn tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến bốn vạn tuổi và các người con sẽ lên tám vạn tuổi.

23. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, các người con gái đến năm trăm tuổi có thể thành lập gia đình. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, ba chứng bệnh sau đây có mặt: lòng dục, tham ăn và già.

Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, nước Jambudīpa này (Diêm phù đề) sẽ rất hùng mạnh và phong phú. Các làng mạc, tỉnh thành, kinh đô ở sát nhau đến nỗi con gà gáy bên này, bên kia có thể nghe được!

Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, nước Jambudīpa này như sẽ rất phồn thịnh với người Avīci (A-tỳ Địa ngục), giống như rừng lau hay rừng sậy.

Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, thành phố Bārāṇasī này (Ba-la-nại) là kinh đô tên gọi Ketumatī, rất là hùng mạnh, phong phú, đông dân cư và ăn uống đầy đủ.

Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi tại nước Jambudīpa này, sẽ có tám vạn bốn ngàn thành phố và Ketumatī sẽ là kinh đô tối thượng.

24. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, ở kinh đô Ketumatī, có vị Chuyển luân Thánh vương tên là Sankha ra đời, là vị pháp vương, lấy Chánh pháp trị nước, chinh phục bốn thiên hạ,

cai trị các quốc độ, và đầy đủ bảy món báu, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu.

Vị ấy có hơn một ngàn hoàng tử, đồng kiến, hùng mạnh,

23. 'Among the people with an eighty thousand-year lifespan, girls will become marriageable at five hundred. And such people will know only three kinds of disease: greed, fasting, and old age.'<sup>799</sup>

And in the time of those people this continent of Jambudīpa will be powerful and prosperous, and villages, towns and cities will be but a cock's flight one from the next.<sup>800</sup>

This Jambudīpa, like Avīci,<sup>801</sup> will be as thick with people as the jungle is thick with reeds and rushes.

At that time the Vārānasi<sup>802</sup> of today will be a royal city called Ketumatī, powerful and prosperous, crowded with people and well-supplied.

In Jambudīpa there will be eighty-four thousand cities headed by Ketumatī as the royal capital.

24. 'And in the time of the people with an eighty thousand-year life-span, there will arise in the capital city of Ketumatī a king called Sankha, a wheel-turning monarch, a righteous monarch of the law, conqueror of the four quarters... (as verse 2).

nhập phục ngoại địch, vị này trị vì quả đất này cho đến hải biên, dùng Chánh pháp trị quốc, không dùng trượng, không dùng kiếm.

25. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya (Di-lặc) sẽ ra đời, là vị A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; như Ta nay sanh ra ở đời này, là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Vị này tự mình biết, chứng, và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà-la-môn, loài Trời, loài Người; như Ta hiện nay tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà-la-môn, loài Trời và loài Người.

Vị này sẽ thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh; như Ta hiện nay thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Vị này sẽ có khoảng vài ngàn vị Tỷ kheo Tăng đoàn; như Ta hiện nay có khoảng vài trăm vị Tỷ kheo Tăng đoàn vậy.

26. Nay các Tỷ kheo, vua Sankha sẽ cho thiết lập cung điện mà vua Mahā Panada đã thiết lập. Sau khi thiết lập, vua trú tại đó. Sau vua lại bỏ thí cung điện ấy, dâng cúng cho các vị Sa môn, Bà-la-môn, các hàng bần cùng, du

25. 'And in that time of the people with an eighty thousand-year life-span, [76] there will arise in the world a Blessed Lord, an Arahant fully-enlightened Buddha named Metteyya,<sup>803</sup>

endowed with wisdom and conduct, a Well-Farer, Knower of the worlds, incomparable Trainer of men to be tamed, Teacher of gods and humans, enlightened and blessed, just as I am now.

He will thoroughly know by his own super-knowledge, and proclaim, this universe with its devas and maras and Brahmas, its ascetics and Brahmins, and this generation with its princes and people, just as I do now.

He will teach the Dhamma, lovely in its beginning, lovely in its middle, lovely in its ending, in the spirit and in the letter, and proclaim, just as I do now, the holy life in its fullness and purity.

He will be attended by a company of thousands of monks, just as I am attended by a company of hundreds.

26. 'Then King Sankha will re-erect the palace once built by King Mahā-Panāda<sup>804</sup> and, having lived in it, will give it up and present it to the ascetics and Brahmins, the beggars, the wayfarers, the destitute.



đãng, ăn xin,

cao bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình dưới sự chỉ đạo của Thế Tôn Metteyya, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác.

Vị này xuất gia như vậy, sống một mình, biệt lập, tinh tấn, trì chú, chuyên tâm, chẳng bao lâu chứng được vô thượng phạm hạnh, mà vì mục đích này các thiện nam tử đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Với vô thượng phạm hạnh này, ngay trong hiện tại, vị này tự tu, tự chứng, đạt đến và an trú.

27. Nay các Tỷ kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, nương tựa Chánh pháp, không nương tựa một gì khác.

Nay các Tỷ kheo, thế nào là một Tỷ kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, nương tựa Chánh pháp, không nương tựa một gì khác?

Nay các Tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo sống quán thân trên tự thân, nhiệt tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác, để diệt trừ tham ưu ở đời,

trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác, để có thể diệt trừ tham ưu ở đời.

Như vậy này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, nương tựa Chánh pháp, không nương tựa một gì khác.

28. Nay các Tỷ kheo, hãy đi lại trong giới hạn được phép

Then, shaving off hair and beard, he will don yellow robes and go forth from the household life into homelessness under the supreme Buddha Metteyya.

Having gone forth, he will remain alone, in seclusion, ardent, eager and resolute, and before long he will have attained in this very life, by his own super-knowledge and resolution, [77] that unequalled goal of the holy life, for the sake of which young men of good family go forth from the household life into homelessness, and will abide therein.

27. 'Monks, be islands unto yourselves, be a refuge unto yourselves with no other refuge. Let the Dhamma be your island, let the Dhamma be your refuge with no other refuge. And how does a monk dwell as an island unto himself...?

Here, a monk abides contemplating body as body, ardent, clearly aware and mindful, having put aside hankering and fretting for the world,

he abides contemplating feelings as feelings, ... he abides contemplating mind as mind, ... he abides contemplating mind-objects as mind-objects, ardent, clearly aware and mindful, having put aside hankering and fretting for the world.

28. 'Keep to your own preserves, monks, to your ancestral

của mình, trong giới hạn Tổ phụ các Người truyền lại.

Này các Tỷ kheo, nếu các Người đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các Người truyền lại thời tuổi thọ sẽ được tăng thịnh, sắc đẹp sẽ được tăng thịnh, an lạc sẽ được tăng thịnh, tài sản sẽ được tăng thịnh, thế lực sẽ được tăng thịnh.

Này các Tỷ kheo, như thế nào vị Tỷ kheo tuổi thọ được tăng thịnh?

Này các Tỷ kheo, ở đây, vị Tỷ kheo tu tập thần túc, đầy đủ Dục thiền định tinh cần hành; tu tập thần túc, đầy đủ Tinh tấn thiền định tinh cần hành; tu tập thần túc đầy đủ Tâm định tinh cần hành; tu tập thần túc đầy đủ Tư duy thiền định tinh cần hành.

Vị này tu tập bốn pháp thần túc này một cách tinh cần, nếu muốn sống kéo dài một kiếp hay năm còn lại của một kiếp.

Này các Tỷ kheo, như vậy Ta nói vị Tỷ kheo tuổi thọ được tăng thịnh.

Này các Tỷ kheo, thế nào là vị Tỷ kheo sắc đẹp được tăng thịnh?

Này các Tỷ kheo, ở đây, vị Tỷ kheo sống giữ giới luật, chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Patimokkha (Ba-la-đề-mộc-xoa), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp.

Này các Tỷ kheo, như vậy vị Tỷ kheo sắc đẹp được tăng thịnh.

Này các Tỷ kheo, thế nào là vị Tỷ kheo an lạc được tăng thịnh?

Này các Tỷ kheo, ở đây, vị Tỷ kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục

haunts.

If you do so, your life-span will increase, your beauty will increase, your happiness will increase, your wealth will increase, your power will increase.

‘And what is length of life for a monk?

Here, a monk develops the road to power which is concentration of intention accompanied by effort of will, the road to power which is concentration of energy..., the road to power which is concentration of consciousness..., the road to power which is concentration of investigation accompanied by effort of will.<sup>805</sup>

By frequently practising these four roads to power he can, if he wishes, live for a full century,<sup>806</sup> or the remaining part of a century.

That is what I call length of life for a monk.

‘And what is beauty for a monk?

Here, a monk practises right conduct, is restrained according to the discipline, [78] is perfect in behaviour and habits, sees danger in the slightest fault, and trains in the rules of training he has undertaken.

That is beauty for a monk.

‘And what is happiness for a monk?

Here, a monk, detached from sense-desires ... enters the first jhāna, ... (as *Sutta* 22, verse 21), the second, third, fourth jhāna, ... purified by equanimity and mindfulness.

sanh với tầm, với tứ; diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ... chứng và trú Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư.

Này các Tỷ kheo, như vậy vị Tỷ kheo an lạc được tăng thịnh.

Này các Tỷ kheo, thế nào là vị Tỷ kheo tài sản được tăng thịnh?

Này các Tỷ kheo, ở đây, vị Tỷ kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư.

Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân, với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... Vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Này các Tỷ kheo, như vậy vị Tỷ kheo, tài sản được tăng thịnh.

Này các Tỷ kheo, như thế nào là vị Tỷ kheo thế lực được tăng thịnh?

Này các tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo, với sự diệt tận các lậu hoặc, tự mình biết và chứng, đạt đến an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát không còn các lậu hoặc.

Này các Tỷ kheo, như vậy là vị Tỷ kheo thế lực được tăng thịnh.

Này các Tỷ kheo, ta quán sát và thấy không có một uy lực nào khác khó nhiếp phục hơn uy lực của Ma vương. Này các Tỷ kheo, chính nhờ chấp nhận và thực hành những

That is happiness for a monk.

‘And what is wealth for a monk?

Here, a monk, with his heart filled with loving-kindness, dwells suffusing one quarter, the second, the third, the fourth.

Thus he dwells suffusing the whole world, upwards, downwards, across — everywhere, always with a mind filled with loving-kindness, abundant, unbounded, without hate or ill-will. Then, with his heart filled with compassion,... with his heart filled with sympathetic joy, ... with his heart filled with equanimity,... he dwells suffusing the whole world, upwards, downwards, across, everywhere, always with a mind filled with equanimity, abundant, unbounded, without hate or ill-will.<sup>807</sup>

That is wealth for a monk.

‘And what is power for a monk?

Here, a monk, by the destruction of the corruptions., enters into and abides in that corruptionless liberation of heart and liberation by wisdom which he has attained, in this very life, by his own super-knowledge and realisation.

That is power for a monk.

‘Monks, I do not consider any power<sup>808</sup> so hard to conquer as the power of Māra. [79] It is just by this building-up of wholesome states that this merit increases.’<sup>809</sup>

thiện pháp ấy mà công đức này được tăng thịnh!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn.

Thus the Lord spoke, and the monks were delighted and rejoiced at his words.

### Notes

The numbers in square brackets [ ] in the actual text refer to the page number of the *Dīgha Nikāya* of the Pali Text Society's edition in Pali.

781. We seem to be back in the 'fairy-tale' world of some previous Suttas, but with a difference. RD, in another brilliant introduction in which he develops his theory of Normalism (the belief, in contrast to Animism, in a certain rule, order, or law), fails to analyse the structure of this fable (which is what, rather than a fairy-tale, it really is). The narrative part is framed by certain important remarks by the Buddha which, announced at the beginning, are repeated in elaborated form at the end (n.809).

782. Cf. DN 16.2.26 and n.395 there.

783. Cf. DN 22.1.

784. *Gocare*: lit. 'pastures'.

785. *Pettike visaye*: 'the range of your fathers'.

786. *Cakkavatti-vatte vattāhi*. RD points out the play on 'turning into a Wheel-Turner': *vatta* meaning both 'turning' and 'duty'.

787. Cf. DN 17.1.8.

788. A truly Buddhist touch! Asoka, who made some effort to live up to the ideal of a wheel-turning monarch, established animal hospitals.

789. *Adhamma-kāro*: ‘non-Dhamma-doing’.

790. The word rendered ‘good’ is the same, *kusala*, as rendered just previously by ‘wholesome. The literal ‘skilful’ is also sometimes to be preferred. A case where variation in translation is desirable — but it should be indicated.

791. All as in DN 17.

792. But see n.472. Warder (as n.801) has ‘rule (collect taxes) in moderation’.

793. Even though the charge was justified! But the denunciation was malicious.

794. *Micchā-diṭṭhi*: see n.708.

795. *Micchā-dhamma*. DA says ‘men with men, women with women’.

796. Said by RD to be ‘a kind of rye’. The dictionaries are less specific.

797. *Kusala* (see n.790). The real meaning is ‘skilful’ in regard to knowing the karmic consequences of one’s actions — in other words not having *micchā-diṭṭhi* (see n.708).



798. RD's note is barely intelligible, or at least unhelpful: 'Sathhantarakappa. Saththa is sword; antarakappa is a period included in another period. Here the first period, the one included, is seven days. See Ledi Sadaw in the Buddhist Review, January 1916' — a journal not all readers will have to hand. On *Antarakappa*, Childers (as often) is more helpful than PED: 'Each Asankheyyakappa ["incalculable aeon"] contains twenty Antarakappas, an Antarakappa being the interval that elapses while the age of man increases from ten years to an asankheyya, and then decreases again to ten years.' Clearly this immense period — which, in regard to the human life-span, is not canonical — is not meant here, but the reference to 'ten years' is relevant. DA distinguishes three kinds of *Antarakappa*: *Dubbhikkhantarakappa*, *Rogantarakappa*, and *Sathhantarakappa*, caused by greed, delusion and hatred respectively. RD ignores all this.

Cf. EB under *Antarakalpa*, where a parallel to this commentarial passage is cited from the 11th-century Sanskrit-Tibetan dictionary called *Mahāvvyutpatti*. The article concludes: 'Yet, the context in which the term *sathhantarakappa* occurs in the *Dīgha Nikāya* (III, 73) seems to suggest that the word could also be used in a very general sense to mean a period which is not of the same duration as an *antarakappa*.' The context in fact suggests that this period of one week marks a turning-point which is the beginning of an Antarakappa in the sense mentioned by Childers.

799. There will be, it seems, no real disease at all: death will result only from excessive or inadequate nourishment or the inevitable onset of old age. Accidents also seem to be

excluded.

800. This seems to be the meaning of a doubtful expression.

801. In the commentaries and later literature Avici denotes the lowest of the hells (or 'purgatories', as RD and other translators have it, to indicate that no such hell is eternal). This, and a parallel passage at AN 3.56, is the only passage in the first four Nikāyas where it is mentioned, and 'hell' does not seem to be its meaning (RD renders it 'the Waveless Deep'), though its exact sense is doubtful. Warder, in his paraphrase of this Sutta (*Indian Buddhism*, 168) says parenthetically: "like purgatory", the Buddha remarks ambiguously, thinking probably of his preference for seclusion.' The Buddhist hells grow steadily worse in the popular imagination, but most of their horrors find little support in the Suttas (though see MN 129, 130). Cf. n.244 and Introduction, p. 40.

802. Benares.

803. The next Buddha, perhaps better known by the Sanskrit name Maitreya.

804. This had been drowned in the Ganges.

805. Cf. DN 16.3.3. and 18.22.

806. See n.400.

807. As DN 13.76, 78.

808. The word *bala* 'power' is repeated from just before.

809. As RD fails to mention (though it is surely significant), the conclusion (verses 27 — 28) repeats the Buddha's words in verse 1, the reference there to Mara being expanded after the first sentence of verse 28, Māra and his power being again alluded to before the last sentence of verse 1 is repeated. The fable shows the large-scale effect of keeping morality, and indicates how monks are to use this lesson.